

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1191/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 9 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 626/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 9 năm 2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của giải quyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; cụ thể như sau:

1. Nội dung ủy quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giải quyết 22 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

2. Phạm vi và thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, hoặc khi có Quyết định thay thế, hoặc bãi bỏ và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng nội dung được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ sở pháp lý, nội dung trình ủy quyền và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

2. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền, để được chỉ đạo xử lý kịp thời.

3. Không được ủy quyền tiếp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**  
**Trần Duy Đông**

**Phụ lục:**

**Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật  
thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền  
cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện**  
(Kèm theo Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch  
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

| Số TT     | Mã số TTHC                               | LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                  | CĂN CỨ THỰC HIỆN                                                           |
|-----------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật: 10 TTHC</b> |                                                                                                                                              |                                                                            |
| 1         | 2.001236                                 | Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật                                                                   | Điều 22 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT                                          |
| 2         | 1.003971                                 | Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                | Khoản 1 Điều 6 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 4 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 3         | 1.004493                                 | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật                                                                                   | Điều 25 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT                                          |
| 4         | 1.004546                                 | Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật                                                                                | Khoản 3 Điều 6 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 5         | 1.004524                                 | Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật                                                                            | Điều 23 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT                                          |
| 6         | 1.007926                                 | Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón                                                                                        | Khoản 3 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 6 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 7         | 1.007927                                 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón                                                                                           | Khoản 5 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 7 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 8         | 1.007928                                 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón                                                                                       | Khoản 5 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 8 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 9         | 1.007929                                 | Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón                                                                                                             | Khoản 7 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 9 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 10        | 1.003395                                 | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu                                                     | Điều 24 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT                                          |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Trồng trọt: 12 TTHC</b>      |                                                                                                                                              |                                                                            |
| 1         | 1.010090                                 | Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp | Khoản 1 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 15 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |

| Số TT | Mã số TTHC | LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | CĂN CỨ THỰC HIỆN                                                            |
|-------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|       |            | và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                             |
| 2     | 1.007998   | Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                          | Khoản 9 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 17 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 3     | 1.012072   | Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                         | Khoản 13 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 12 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 4     | 1.012071   | Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.                                                                                                                                                                                                              | Khoản 11 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 11 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 5     | 1.012073   | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                     | Khoản 13 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 13 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 6     | 1.012070   | Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                                 | Khoản 2 Điều 6 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 7     | 1.012063   | Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                                | Khoản 15 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 19 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 8     | 1.012064   | Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                            | Khoản 15 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 20 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 9     | 1.012062   | Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                  | Khoản 12 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 18 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 10    | 1.011998   | Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                          | Khoản 17 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 14 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT |
| 11    | 1.007999   | Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) | Khoản 8 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 16 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT  |
| 12    | 1.007994   | Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại                    | Khoản 2 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 5 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT   |

